

A. KẾT QUẢ TRUNG BÌNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

| Ca                         | Kết quả                                        | pH   | NH4 <sup>+</sup><br>(mg/l) | Lưu<br>lượng vào<br>(m3/h) | Lưu<br>lượng ra<br>(m3/h) | COD<br>(mg/l) | TSS<br>(mg/l) | Màu<br>(Pt-Co) | Cl dư<br>(mg/l) | Nhiệt độ<br>(°C) | BOD<br>(mg/l) | DO<br>(mg/l) | Ký và ghi rõ<br>họ tên | Ghi chú |
|----------------------------|------------------------------------------------|------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|---------------|--------------|------------------------|---------|
|                            |                                                | 6-9  | ≤ 4,95                     | -                          | -                         | ≤ 74,25       | ≤ 49,5        | ≤ 49,5         | ≤ 0,99          | ≤ 40             | ≤ 29,7        | -            |                        |         |
| B<br>Đêm                   | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,26 | 3,44                       | 852                        | 744                       | 54,81         | 30,51         | 30,92          | 0,16            | 32,41            | 18,14         | 1,63         | Quân. Ng. M. Quân      |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| C<br>Sáng                  | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,22 | 3,34                       | 871                        | 819                       | 52,9          | 30,5          | 29,1           | 0,16            | 32,35            | 17,5          | 1,62         | Thy. Ng. Th. Th. Th.   |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| D<br>Chiều                 | Giá trị trung bình theo ca                     | 6,2  | 3,36                       | 862                        | 867                       | 53            | 30,4          | 28,3           | 0,17            | 32,4             | 17,5          | 1,60         | Thy. Ng. Th. Th. Th.   |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 1 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
|                            | Giá trị trung bình đến thời<br>điểm có sự cố 2 |      |                            |                            |                           |               |               |                |                 |                  |               |              |                        |         |
| Giá trị trung bình ngày: A |                                                | 6,2  | 3,39                       | 864                        | 884                       | 53,5          | 30,4          | 28,5           | 0,18            | 32,4             | 17,7          | 1,60         | Thy. Ng. Th. Th. Th.   |         |

Ghi chú: "-": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

- Giá trị trung bình trong ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

- Quy định mức phạt khi thông số khí thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ ban hành.